

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
- Ông Nguyễn Văn Hoàn;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý An – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Bích T, sinh năm 1991; HKTT: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số A đường số E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1974; HKTT: Số A đường số E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 10/4/2024, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Bích T trình bày:

Bà T và ông Phạm Quốc V chung sống với nhau từ năm 2016 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 140/2017-KH, ngày 07/7/2017.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đầu rất yêu thương nhau nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, có cãi vã, vợ chồng không đồng lòng, kinh tế riêng. Ông V có hành vi vũ phu đánh đập bà T ba lần. Đến nay thì mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay, bà T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Phạm Quốc V.

Về con chung: Bà T và ông Phạm Quốc V có 01 con chung tên Phạm Vũ Song H, sinh ngày 16/6/2017. Sau khi ly hôn, bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp cần thiết bà T và ông V sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu khác.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà bị đơn ông Phạm Quốc V trình bày:*

Ông V và bà Phan Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau, tổ chức kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2016 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 140/2017-KH, ngày 07/7/2017.

Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hiện nay ông V thấy bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Chỉ có một lần do nóng tính thì ông V có đánh vợ nhưng từ đó đến nay thì ông V cũng rất áy náy và ân hận nên nhiều lần nói chuyện với vợ mong vợ bỏ qua để vợ chồng sống hạnh phúc chăm lo cho con cái.

Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, rất yêu thương vợ con mong muốn gia đình đoàn tụ hạnh phúc, chăm lo cho con cái nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay do bà T cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông V đồng ý.

- Về con chung: Ông V và bà Phan Thị Bích T có 01 con chung tên Phạm Vũ Song H, sinh ngày 16/6/2017. Khi ly hôn ông V đồng ý giao con chung tên Phạm Vũ Song H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì ông không có ý kiến. Trường hợp cần thiết ông V sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung với bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông V không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Tại Bản tự khai ngày 07/8/2024 cháu Phạm Vũ Song H khai như sau:*

Hiện nay cha mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Toà án, trường hợp ba mẹ cháu không sống chung cùng nhau thì cháu muốn ở cùng mẹ T. Ngoài ra cháu không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông V do Tòa án tiến hành ngày 27/5/2024, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Quá trình bà Phan Thị Bích T và ông Phạm Quốc V sinh sống tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc bà Phan Thị Bích T và ông Phạm Quốc V có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phan Thị Bích T và ông Phạm Quốc V là gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được. Tại phiên tòa bà T và ông V thống nhất vấn đề ly hôn và nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Phạm Quốc V, sinh năm 1974 có địa chỉ cư trú tại: Số A đường số E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V chung sống với nhau từ năm 2016 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 140/2017-KH, ngày 07/7/2017. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đầu rất yêu thương nhau nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, có cãi vã, vợ chồng không đồng lòng, kinh tế riêng. Ông V có hành vi vũ phu đánh đập bà T ba lần. Đến nay thì mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Phạm Quốc V.

Ông V xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Ông thừa nhận có hành vi đánh vợ một lần do nóng tính nhưng từ đó đến nay thì ông V cũng rất áy náy và ân hận nên nhiều lần nói chuyện với vợ mong vợ bỏ qua để vợ chồng sống hạnh phúc chăm lo cho con cái nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay do bà T cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông V đồng ý.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông V thừa nhận có hành vi đánh bà T là thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng.

Tại phiên toà, bà T và ông V không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc, nguyên đơn bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn, bị đơn ông V đồng ý việc ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông V.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Phạm Quốc V có 01 con chung tên Phạm Vũ Song H, sinh ngày 16/6/2017. Sau khi ly hôn, bà Thu n trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết việc cấp dưỡng, bà T và ông V sẽ tự thỏa thuận.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà ông V xác định sau khi ly hôn ông V đồng ý giao con chung tên Phạm Vũ Song H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì ông không có ý kiến. Trường hợp cần thiết ông V sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung với bà T.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Phạm Vũ Song H, sinh ngày 16/6/2017 cho đến nay mới được 7 tuổi, là nữ giới, hiện đang sống cùng bà T. Đồng thời, tại bản ý kiến của cháu H cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do đó, giao cháu Phạm Vũ Song H cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi mọi mặt của con chung, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại phiên toà, bà T và ông V thống nhất giao con chung tên Phạm Vũ Song H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích T đối với ông Phạm Quốc V về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Bích T và ông Phạm Quốc V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2017-KH do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/7/2017).

1.2. Về con chung: Ông Phạm Quốc V giao con chung tên Phạm Vũ Song H, sinh ngày 16/6/2017 cho Phan Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Bích T về việc không yêu cầu ông Phạm Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Thị Bích T và ông Phạm Quốc V đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002922 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam